TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 01 - 2026
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN D

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tưởng Thị Thu; bà Triệu Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Bích Duyên - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 220/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2025; quyết định hoãn phiên toà số 40/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị X, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Bắc D, xã Nà H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lục Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Soi T, xã Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt 02 lần không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Bàn Thị X trình bày: Chị và anh Lục Văn T được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2005 tại UBND xã Trung H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn hai vợ chồng vào tỉnh Bình Dương làm công nhân, năm 2006 chị sinh con rồi đưa con về nhà ở cùng với bố mẹ chồng tại thôn Soi T, xã Chiêm H, còn anh T vẫn tiếp tục làm công nhân tại tỉnh Bình D, năm 2010 anh T về chung sống cùng chị, năm 2011 hai vợ chồng đưa con lên tạm trú tại thôn Nà M, xã Yên L đến năm 2012, anh T xuống Hải P đi làm thuê,

năm 2013 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh T đi làm biền biệt, khi về nhà anh T hay gây sự, chửi bới xúc phạm chị, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm gây ảnh hưởng đến tinh thần của chị và tâm lý các con. Nay chị nhận thấy mệt mỏi với cuộc sống hôn nhân, tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung, chị và anh T có 02 người con chung tên là Lục Hiếu N, sinh ngày 14/5/2006 và Bàn Minh T, sinh ngày 05/11/2015. Hiện nay cháu N đã đủ 18 tuổi, đủ khả năng lao động, tự lo cho chính mình, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T. Về tài sản chung, vay nợ chung, chị và anh T tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp H giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Lục Văn T đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án.

Tòa án tiến hành xác minh tại xã Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang được biết: Anh Lục Văn T, sinh ngày 12/3/1984, số căn cước công dân 008084006797, có hộ khẩu thường trú tại thôn Soi T, xã Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng anh Lục Văn T và chị Bàn Thị X kết hôn với nhau nhưng chị X không đăng ký thường trú tại thôn Soi T, xã Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng anh T chị X chỉ sinh sống một thời gian ngắn tại thôn Soi T, sau đó anh T và chị X có chuyển đến xã Yên Lập sinh sống một thời gian và sau đó có nghe nói là chị X về thôn Bắc D, xã Nà H sinh sống. Hiện nay anh T không có mặt ở địa phương, bản thân anh T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng những ngày lễ, tết vẫn về nhà thăm mẹ và mọi người trong gia đình, còn chị X có thi thoảng về nhà thăm mẹ chồng.

Tòa án tiến hành xác minh tại xã Nà H, tỉnh Tuyên Quang được biết: Vợ chồng chị X và anh T mới chuyển đến thôn Bắc D, xã Nà H sinh sống được mấy năm nay, vì thôn Bắc D là quê ngoại của chị X. Chị X có hộ khẩu thường trú tại thôn Bắc D, xã Nà H, tỉnh Tuyên Quang, còn anh T không đăng ký thường trú đến thôn Bắc D, xã Nà H. Thường ngày chỉ thấy chị X và các con sinh sống tại thôn Bắc D, anh T một năm mới về thăm hai mẹ con chị X một đến hai lần. Đối với mâu thuẫn vợ chồng chị X, anh T cụ thể như thế nào thì không rõ, nhưng theo dư luận là có phát sinh mâu thuẫn, có xảy ra cãi vã, xô xát. Nay anh T không về ở, sinh sống cùng mẹ con chị X.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Hà Thị Đ (mẹ đẻ của anh Lục Văn T), trình bày: Chị Bàn Thị X và anh Lục Văn T có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới, chị X không đăng ký thường trú tại thôn Soi T, xã Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng anh T, chị X thời gian đầu sinh sống tại miền nam được một thời gian rồi hai vợ chồng chuyển về làm việc tại các xã trong huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên, sau một thời gian chị X tự ý chuyển về thôn Bắc D, xã Nà H, tỉnh Tuyên Quang sinh sống. Khi chị X chuyển đến thôn Bắc D sinh

sống, anh T vẫn sinh sống và đăng ký thường trú tại thôn Soi T, xã Chiêm H. Hiện nay anh T đi làm xa tại tỉnh Phú Thọ. Đối với mâu thuẫn của vợ chồng chị X, anh T đã có từ lâu, tuy nhiên mâu thuẫn cụ thể như thế nào bà không biết, chỉ biết hiện nay chị X và anh T không sinh sống với nhau. Bà đã nhận thay cho anh T các văn bản, thông báo của Tòa án và bà đã thông tin cho anh T biết. Anh T có trao đổi là anh T không nhất trí ly hôn. Quá trình chung sống, anh T và chị X có 02 người con chung tên là Lục Hiếu N, sinh năm 2006 và Bàn Minh T, sinh năm 2015. Hiện nay cháu N đã đủ 18 tuổi, đủ khả năng lao động tự lo cho chính mình, còn cháu T đang sinh sống cùng chị X.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Bàn Thị X vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị X đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lục Văn T; về con chung, chị và anh T có 02 người con chung tên là Lục Hiếu N, sinh ngày 14/5/2006 và Bàn Minh T, sinh ngày 05/11/2015. Hiện nay cháu N đã đủ 18 tuổi, đủ khả năng lao động, tự lo cho chính mình, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T. Về tài sản chung, vay nợ chung, chị và anh T tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị X, cho chị Bàn Thị X được ly hôn anh Lục Văn T.

- Về con chung: Giao con chung là Bàn Minh T, sinh ngày 05/11/2015 cho chị Bàn Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lục Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; đối với con chung là Lục Hiếu N, sinh ngày 14/5/2006, đã trưởng thành đủ 18 tuổi, chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Bàn Thị X xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Bàn Thị X; anh Lục Văn T không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bàn Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Tuyên Quang giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Lục Văn T, nơi cư trú tại thôn Soi T, xã Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn",* vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Tuyên Quang.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án xác minh thể hiện anh Lục Văn T đi làm ăn tại tỉnh Phú Thọ, nhưng không thông báo địa chỉ cụ thể nên hiện tại không biết anh T đang ở đâu, làm gì. Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh T, anh T không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bàn Thị X vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lục Văn T được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Bàn Thị X và anh Lục Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2005 tại UBND xã Trung H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang), do vậy quan hệ hôn nhân của chị X và anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị X và anh T chung sống với nhau ở nhiều nơi, tuy nhiên sau khi kết hôn, chị X không chuyển đăng ký thường trú về thôn Soi T, xã Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang, chị X vẫn thường trú tại thôn Bắc D, xã Nà H, tỉnh Tuyên Quang. Theo chị X, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là anh T đi làm biền biệt, khi về nhà anh T hay gây sự, chửi bới xúc phạm chị X, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm gây ảnh hưởng đến tinh thần của chị X và tâm lý các con, chị X nhận thấy mệt mỏi với cuộc sống hôn nhân, tình cảm vợ chồng không còn. Kết quả xác minh tại địa phương, cũng như người thân của anh T đều xác nhận vợ chồng chị X và anh T có mâu thuẫn, hiện tại chị X và anh T đã sống ly thân. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị X và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X, xử cho chị X được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị X và anh T có 02 người con chung tên là Lục Hiếu N, sinh ngày 14/5/2006 và Bàn Minh T, sinh ngày 05/11/2015. Chị X xác định cháu N đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu T, chị X đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T. Tại bản trình bày của cháu T, cháu T có nguyện vọng được chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, hiện tại anh T vắng mặt tại địa phương, không đến Tòa án

làm việc và cũng không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án thể hiện quan điểm về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu T cho chị X trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Bàn Thị X xác định tự thỏa thuận, giải quyết không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Bàn Thị X là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn tiền án phí và chị X có đơn xin miễn nộp tiền án phí, nên miễn nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị X. Anh Lục Văn T không phải nộp án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào*: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bàn Thị X, cho chị Bàn Thị X được ly hôn anh Lục Văn T *[Giấy chứng nhận kết hôn số 06, ngày 28/3/2005 của UBND xã Trung H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang)]*.

2. Về con chung: Giao con chung là Bàn Minh T, sinh ngày 05/11/2015 cho chị Bàn Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lục Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Đối với con chung là Lục Hiếu N, sinh ngày 14/5/2006, đã trưởng thành đủ 18 tuổi, chị Bàn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Bàn Thị X. Anh Lục Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 2 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Chiêm H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Tuấn